

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 484/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/06/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 12/06/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1297/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST -HNGĐ ngày 22/05/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Mỹ H, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 5 Đường 7, Khu phố A, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh P, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 Đường 7, Khu phố A, phường LT, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lương Thị Mỹ H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh P tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 01/2012 do UBND phường Bình Thọ, quận Thủ Đức cấp ngày 18/08/2012, có tổ chức đám cưới. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và tự lập tại địa chỉ nhà: số 5 Đường số 7, Khu phố 2, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng từ khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, quan điểm, chồng không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và hiện tại ông Phong có người phụ nữ khác, vợ chồng cũng nói chuyện, hàn gắn hôn nhân, tha thứ cho nhau nhưng không có kết quả, hiện tại mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm lo lắng cho nhau. Hiện bản thân nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Thanh P.

- Về con chung, tài sản chung; nợ chung: Bà Hạnh xác định không có

* Đối với bị đơn: Căn cứ theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Linh Trung, quận Thủ Đức thì ông Phạm Thanh P thực tế đang cư trú tại địa chỉ số: 5 Đường 7, Khu phố 2, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn ông Phạm Thanh P đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án, cũng không có ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức thì địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại: số 5 Đường số 7, Khu phố 2, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn, hội đồng xét xử nhận thấy.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Mỹ H và ông Phạm Thanh P tự nguyện đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62, quyền số 01/2012 do UBND phường Bình Thọ, quận Thủ Đức cấp ngày 18/08/2012. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông, bà là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, theo trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà và ông Phong tự nguyện kết hôn, quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, quan điểm, chồng không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và hiện tại ông Phong có người phụ nữ khác, bà cũng đã tha thứ, hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả, hiện tại đã như sống ly thân mạnh ai nấy sống, không còn sự quan tâm lo lắng cho nhau, bà xác nhận ngoài các chứng cứ giao nộp cho Tòa án, không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng bà Hạnh xác định tình cảm vợ chồng với ông Phong không còn, không thể hàn gắn và chung sống với nhau được nữa nên bà kiên quyết ly hôn. Bà Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc, xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Phong, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Phạm Thanh P cũng đã được Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ cư trú, triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, cũng không có bất cứ văn bản ghi nhận ý kiến nào gửi cho Tòa án đối với yêu cầu ly hôn của bà Hạnh. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa theo thủ tục pháp luật quy định và tiến hành tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, điều này cho thấy ông Phong cũng không còn sự quan tâm, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà H.

Xét, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng thì phải chung sống cùng nhau, có tình nghĩa vợ chồng nhưng theo những gì nguyên đơn trình bày cho thấy quan hệ hôn nhân của ông, bà hiện tại đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không có, nên mục đích hôn nhân cũng không thể đạt được.

Vì lý do trên, căn cứ Điều 19, Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 1 Điều 238, Điều 264, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Mỹ H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương Thị Mỹ H và ông Phạm Thanh P

1.2 Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0056265 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Lương Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Kim Trang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA